

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5344 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nhi khoa

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét Biên bản họp ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng nghiệm thu Quy trình kỹ thuật Nhi khoa của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nhi khoa”, gồm 200 quy trình kỹ thuật.

Điều 2. Tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nhi khoa” ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ vào tài liệu hướng dẫn này và điều kiện cụ thể của đơn vị, Giám đốc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xây dựng và ban hành tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nhi khoa phù hợp để thực hiện tại đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng và Vụ trưởng các Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, Ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Thứ trưởng BHYT;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử BHYT;
- Website Cục KCB;
- Lưu VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Viết Tiên

DANH SÁCH 200 HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH KỸ THUẬT NHI KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5344/QĐ-BYT ngày 29 tháng 11 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	TÊN QUY TRÌNH KỸ THUẬT
1.	Nội soi đặt stent khí-phế quản (bằng ống cứng)
2.	Thở oxy qua mặt nạ (có túi khí)
3.	Thở oxy qua mặt nạ không túi dự trữ
4.	Tiêm trong da
5.	Tiêm dưới da
6.	Tiêm bắp thịt
7.	Truyền máu và các chế phẩm máu
8.	Truyền hóa chất tĩnh mạch
9.	Thăm dò chức năng hô hấp
10.	Chọc dịch khớp
11.	Tiêm corticoid vào khớp
12.	Test áp (Patch test) với các loại thuốc
13.	Test nội bì
14.	Phẫu thuật nội nha-chia cắt chân răng
15.	Phục hồi cổ răng bằng Compomer
16.	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
17.	Giữ khoảng răng bằng khí cụ Nance
18.	Làm trôi răng bằng khí cụ cố định
19.	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
20.	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng
21.	Phẫu thuật nạo túi quanh răng
22.	Phẫu thuật ghép vạt niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính
23.	Phẫu thuật ghép tổ chức liên kết dưới biểu mô làm tăng chiều cao lợi dính
24.	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
25.	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng
26.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vạt trượt đáy sang bên
27.	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
28.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng Laser
29.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
30.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer
31.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite có sử dụng Laser

32.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) có sử dụng Laser
33.	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng Laser
34.	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay Composite
35.	Chụp tủy bằng MTA
36.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
37.	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
38.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trạm xoay máy
39.	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
40.	Phẫu thuật nội nha hàn ngược ống tủy
41.	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta-percha nguội
42.	Máng nâng khớp cắn
43.	Gắn band
44.	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
45.	Máng chống nghiêng răng
46.	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
47.	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
48.	Chích Apxe lợi ở trẻ em
49.	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức
50.	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
51.	Điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi sử dụng khí cụ tháo lắp
52.	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) quang trùng hợp
53.	Trám bít hố rãnh bằng Composite hóa trùng hợp
54.	Trám bít hố rãnh bằng Composite quang trùng hợp
55.	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn, nhiều đốt bàn
56.	Phẫu thuật giải phóng dây giữa trong hội chứng ống cổ tay
57.	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay
58.	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay
59.	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa
60.	Phẫu thuật can lệch đầu dưới xương quay
61.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị cò ngón tay do liệt vận động
62.	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới
63.	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn
64.	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước
65.	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời
66.	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư
67.	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật
68.	Tháo khớp cổ tay do ung thư
69.	Tháo khớp vai do ung thư chi trên

70.	Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh
71.	Phẫu thuật di chứng bại liệt chi trên
72.	Phẫu thuật nội soi lồng ngực điều trị thoát vị hoành trẻ sơ sinh
73.	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cận màng phổi
74.	Phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm (Điều trị đa tiết mồ hôi)
75.	Phẫu thuật nội soi cắt một phân thùy phổi hoặc thùy phổi
76.	Phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt nối thực quản điều trị hẹp thực quản
77.	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng nhiều thì
78.	Phẫu thuật nội soi điều trị không hậu môn
79.	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn trung tràng
80.	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn
81.	Phẫu thuật điều trị tắc ruột phân su
82.	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng
83.	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn tiền đình 1 thì
84.	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn trong ổ bụng 2 thì
85.	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn trong ổ bụng 1 thì
86.	Phẫu thuật chuyển vị đại động mạch
87.	Phẫu thuật điều trị kênh nhĩ thất toàn phần
88.	Thắt ống động mạch
89.	Phẫu thuật điều trị kênh nhĩ thất bán phần
90.	Chích rạch màng nhĩ
91.	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí
92.	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn
93.	Phẫu thuật nội soi cuốn giữa và cuốn dưới
94.	Phẫu thuật tịt cửa mũi sau trẻ em
95.	Đóng lỗ rò đường lệ
96.	Cắt bỏ túi lệ
97.	Tạo hình đường lệ ± điểm lệ
98.	Nối thông lệ mũi ± đặt ống Silicon ± áp MMC
99.	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản - ống lệ mũi
100.	Nối thông lệ mũi nội soi
101.	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
102.	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rìa hoặc màng ối
103.	Ghép giác mạc xoay
104.	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch ± laser nội nhãn ± dầu/ khí nội nhãn
105.	Cắt dịch kính, bóc màng trước võng mạc
106.	Khâu da mi
107.	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi
108.	Khâu giác mạc

109.	Khâu cùng mạc
110.	Tạo hình móng mắt (khâu móng mắt, chân móng mắt...)
111.	Lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm
112.	Phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)
113.	Cắt u hốc mắt bên và sau nhãn cầu có mở xương hốc mắt
114.	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ ± tách dính mi cầu
115.	Phẫu thuật tạo hình mi mắt toàn bộ
116.	Múc nội nhãn
117.	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
118.	Nút động mạch để điều trị u máu ở vùng đầu và hàm mặt
119.	Nong động mạch thận
120.	Nút động mạch kết hợp hoá chất điều trị thông động mạch cảnh trong xoang hang
121.	Nút động mạch kết hợp hoá chất điều trị ung thư gan
122.	Nút động mạch chữa rò động tĩnh mạch, phồng động mạch
123.	SPECT não với ^{99m}Tc - Pertechnetate
124.	SPECT não với ^{99m}Tc – DTPA
125.	SPECT não với ^{99m}Tc – ECD
126.	SPECT não với ^{99m}Tc – HMPAO
127.	Xạ hình não với ^{99m}Tc Pertechnetate
128.	Xạ hình não với ^{99m}Tc – DTPA
129.	Xạ hình não với ^{99m}Tc – ECD
130.	Xạ hình não với ^{99m}Tc – HMPAO
131.	Xạ hình lưu thông dịch não tủy với ^{99m}Tc – DTPA
132.	Xạ hình bạch mạch với ^{99m}Tc -Sulfur Colloid
133.	Xạ hình chẩn đoán xuất huyết đường tiêu hoá với hồng cầu đánh dấu Tc-^{99m} hoặc ^{99m}Tc -sulfur colloid 431
134.	Xạ hình lách với ^{99m}Tc Sulfur Colloid
135.	Xạ hình gan với ^{99m}Tc Sulfur Colloid
136.	Xạ hình xương với ^{99m}Tc – MDP
137.	Xạ hình tuyến giáp với ^{99m}Tc Pertechnetate
138.	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc –DTPA
139.	Xạ hình chức năng thận với ^{99m}Tc – MAG3
140.	Xạ hình chức năng thận – tiết niệu sau ghép thận bằng ^{99m}Tc – MAG3
141.	Đặt stent ống động mạch
142.	Đặt stent động mạch vành
143.	Đặt stent động mạch thận
144.	Đặt stent hẹp eo động mạch chủ
145.	Đóng các lỗ rò
146.	Đặt stent phình động mạch chủ

147.	Đặt coil bít ống động mạch
148.	Khoan các tổn thương vôi hóa ở động mạch
149.	Lấy dị vật trong buồng tim
150.	Nong hẹp eo động mạch chủ
151.	Nong hẹp van hai lá bằng bóng Inoue
152.	Đo lưu lượng tim PICCO
153.	Đo lưu lượng tim qua catheter swan ganz
154.	Đo áp lực các buồng tim
155.	Kỹ năng sinh hoạt hàng ngày (ăn/uống/vệ sinh/thay quần áo...)
156.	Hoạt động trị liệu
157.	Hoạt động trị liệu theo nhóm 30 phút
158.	Đánh giá kỹ năng vận động tinh và sinh hoạt hàng ngày
159.	Kỹ năng phối hợp tay- mắt
160.	Kỹ năng vận động môi miệng chuẩn bị cho nói
161.	Đánh giá kỹ năng ngôn ngữ - giao tiếp
162.	Kỹ thuật ABA
163.	Đặt dẫn lưu ổ dịch/ áp xe ổ bụng sau mổ dưới hướng dẫn siêu âm
164.	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter hồng tràng
165.	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm
166.	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua thực quản dạ dày
167.	Đo áp lực ổ bụng
168.	Tiêm xơ điều trị trĩ
169.	Chọc dò ổ bụng cấp cứu
170.	Chọc hút áp xe thành bụng
171.	Nong hậu môn
172.	Rửa màng bụng cấp cứu
173.	Dẫn lưu dịch màng bụng
174.	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hoá
175.	Phẫu thuật đặt khung nẹp hợp kim tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới
176.	Phẫu thuật tạo hình các khuyết hồng lớn vùng hàm mặt bằng vật da cơ
177.	Phẫu thuật tạo hình điều trị khe hở chéop mặt hai bên
178.	Phẫu thuật lấy đường rò bẩm sinh cổ bên
179.	Phẫu thuật chỉnh hình lưỡi gà-họng-màn hầu (UVPP)
180.	Phẫu thuật nang và rò khe mang I - bảo tồn dây VII
181.	Phẫu thuật tạo hình điều trị khe hở vòm miệng (Không toàn bộ)
182.	Phẫu thuật tạo hình điều trị khe hở vòm miệng (Toàn bộ)
183.	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến 10 cm
184.	Cắt u nang bạch huyết vùng cổ
185.	Bóc, cắt u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm

186.	Cắt u máu hay bạch mạch vùng cổ, vùng trên xương đòn, vùng nách xâm lấn các mạch máu lớn
187.	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi (Hai bên)
188.	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi
189.	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng cấy ghép sụn sườn tự thân
190.	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu dài trên 5cm: Tạo hình phức tạp
191.	Xóa xăm bằng laser CO2
192.	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn dưới 5cm: Cắt khâu đơn giản
193.	Chuyển vạt da có cuống mạch nuôi điều trị sẹo bỏng
194.	Phẫu thuật tạo hình khe hở chéop mắt 1 bên
195.	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay
196.	Chuyển xoay vạt da ghép có cuống mạch liền không nối
197.	Nạo vét tổ chức hốc mắt
198.	SPECT gan
199.	Nội soi đại tràng tiêu cầm máu
200.	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Việt Tiến